

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 16 -THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Bản án số: 251/2025/HNGĐ-ST

Ngày 29-12-2025

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Hoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Lệ Chi;

2. Ông Lê Văn Công.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sao Mai, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Xuân Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 408/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2025 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 310/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Ngọc M, sinh năm 1979; thường trú: Ấp Ông Tr, xã Đ, tỉnh Cà Mau; tạm trú: D11/9 khu phố B, phường Th, Thành phố Hồ Chí Minh. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Trương Chí Nh, sinh năm 1977; thường trú: Ấp Ông Tr, xã Đ, tỉnh Cà Mau; tạm trú: D8/4 khu phố B, phường Th, Thành phố Hồ Chí Minh. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 01 năm 2025 và quá trình tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc M trình bày:

Bà và ông Trương Chí Nh tự nguyện yêu nhau, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã Viên An, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau (nay là xã Viên An, tỉnh Cà Mau) theo giấy chứng nhận kết hôn số 145/2004, quyển số 01 vào ngày 12/8/2004.

Sau khi kết hôn, vợ chồng bà chung sống với gia đình bà M tại ấp Ông Tr, xã V, huyện Ng, tỉnh Cà Mau, năm 2008 vợ chồng bà chuyển đến làm ăn sinh sống tại

thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương cho đến nay. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông Nh không còn quan tâm, chăm sóc vợ con, không phụ bà tài chính để chi phí sinh hoạt trong gia đình, vợ chồng mạnh ai nấy sống, kinh tế của người nào thì người đó tự chi tiêu, không ai quan tâm đến ai nên năm 2020 bà chuyển ra ngoài ở riêng và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với ông Nh.

Con chung: Quá trình chung sống vợ chồng bà có 02 người con chung tên Trương Ngọc Mỹ D, sinh năm 1999 và Trương Tiến Nh, sinh năm 2001. Các con chung đã trưởng thành bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Nghĩa vụ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai, bị đơn ông Trương Chí Nh trình bày: Thống nhất với lời khai của bà M về quan hệ hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn, thời gian vợ chồng sống ly thân và con chung. Tuy nhiên ông không đồng ý ly hôn vì trong thời gian sống ly thân 07 năm, vợ chồng vẫn qua lại trò chuyện, hỏi thăm nhau, mâu thuẫn vợ chồng cũng không trầm trọng nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà M.

- *Tại Biên bản xác minh ngày 26/11/2025, cán bộ của Ủy ban nhân dân phường Thuận Giao cung cấp thông tin như sau:* Bà Nguyễn Ngọc M, sinh năm 1979 với ông Trương Chí Nh, sinh năm 1977 có quan hệ hôn nhân. Quá trình sinh sống tại địa phương chưa giải quyết mâu thuẫn nào liên quan đến quan hệ hôn nhân của bà M, ông Nh; chính quyền địa phương cũng chưa tiến hành hòa giải nguyên nhân mâu thuẫn giữa bà M với ông Nh nên không biết nguyên nhân mâu thuẫn của ông, bà như thế nào.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16- Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã được thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự, tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Sự chấp hành pháp luật của đương sự: Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các quy định pháp luật liên quan, nguyên đơn, bị đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 để xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án nhận thấy yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở theo quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Ngọc M với ông Trương Chí Nh tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã Viên An, huyện Ngọc Hiền, tỉnh Cà Mau (nay là xã Viên An, tỉnh Cà Mau) theo giấy chứng

nhận kết hôn số 145/2004, quyển số 01 vào ngày 12/8/2004, nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[2] Theo lời trình bày của nguyên đơn trong quá trình tố tụng thì nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn giữa vợ chồng là do vợ chồng không có tiếng nói chung, không quan tâm chăm sóc nhau, bị đơn không chia sẻ trách nhiệm chăm sóc con cái và tài chính cùng với nguyên đơn trong đời sống gia đình, vợ chồng đã có thời gian ly thân từ 2018 đến nay. Tại bản tự khai bị đơn cũng thừa nhận các nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng và thời gian ly thân như nguyên đơn trình bày. Bị đơn cho rằng sau khi vợ chồng sống ly thân thì hai người vẫn thăm hỏi nhau nên bị đơn không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của nguyên đơn. Xét thấy, mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc; để đạt được mục đích đó vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ và tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Nhưng bà M và ông Nh đã có thời gian ly thân quá lâu, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau, do đó, mục đích của hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng không thể hàn gắn, nên yêu cầu xin ly hôn của bà M là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Trương Ngọc Mỹ D, sinh năm 1999 và Trương Tiến Nh, sinh năm 2001. Các con chung đã trưởng thành, đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[5] Từ những phân tích trên, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh là có cơ sở chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Ngọc M phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147; các Điều 235, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 51, 56, 58 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Ngọc M được ly hôn với ông Trương Chí Nh (theo giấy chứng nhận kết hôn số 145/2004, quyển số 01 do UBND xã Viên An, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau (nay là xã Viên An, tỉnh Cà Mau) cấp ngày 12/8/2004).

2. Về con chung: Con chung Trương Ngọc Mỹ Dn, sinh năm 1999 và Trương Tiến Nh, sinh năm 2001 đã trưởng thành, đương sự không yêu cầu, Tòa án không giải quyết.

3. *Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung)*: Đương sự không yêu cầu, Tòa án không giải quyết.

4. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Bà Nguyễn Ngọc M phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0022922 ngày 06 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- Đương sự (2);
- VKSND khu vực 16 – TP. HCM(1);
- THA TP. HCM (1);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Kim Hoa